

I. Thông tin về Dự án

1. Tên Dự án: Dự án Xây dựng phần thô và hoàn thiện mặt ngoài tại Khu dân cư thuộc Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 (điều chỉnh MBQH 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013) (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).
2. Địa chỉ Dự án: Khu dân cư thuộc Khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thuộc MBQH 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 (điều chỉnh MBQH 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013) (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).
3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Win Thanh Hóa.
4. Mã số thuế của Chủ đầu tư: 2803088051
5. Địa chỉ của Chủ đầu tư: Lô 272 CL08 Mặt bằng 1811, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).
6. Điện thoại: 0848753333
7. Đại diện pháp luật (Bà): Lê Thị Huyền Trang Chức vụ: Giám đốc

II. Pháp lý của Dự án:

- Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất dự án Khu dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thuộc mặt bằng quy hoạch 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 (điều chỉnh mặt bằng quy hoạch 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013);

- Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất dự án khu dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thuộc mặt bằng quy hoạch 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 (điều chỉnh mặt bằng quy hoạch 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013);

- Căn cứ Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa (MBQH số 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013);

- Căn cứ Bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500;

- Căn cứ Văn bản số 506/TĐ-QLĐT ngày 16/12/2024 của phòng Quản lý Đô thị UBND thành phố Thanh Hóa về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình: Khu dân cư thuộc khu đô thị Đông Hương, thành phố Thanh Hóa thuộc mặt bằng quy hoạch 3208/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 (điều chỉnh mặt bằng quy hoạch 3241/QĐ-UBND ngày 07/6/2013) – hạng mục: mẫu nhà ở liền kề;

- Căn cứ Biên bản bàn giao đất trên thực địa ngày 20/12/2024 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất - UBND thành phố Thanh Hóa, UBND phường Đông Hải và Công ty TNHH Win Thanh Hóa;

- Căn cứ Các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DQ 912235, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 74 (thửa đất

số 2965, tờ bản đồ số 04); DQ 912236, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 75 (thửa đất số 2967 tờ bản đồ số 04); DQ 912233, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 76 (thửa đất số 2966, tờ bản đồ số 04); do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2024;

- Căn cứ Thông báo khởi công xây dựng công trình của Công ty TNHH Win Thanh Hóa ngày 19/02/2025;

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

Bao gồm 205 lô đất liền kề, cụ thể như sau:

STT	Tên mẫu	Lô đất áp dụng	Số lượng	Diện tích lô đất (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m2)	Số tầng
1	M1.A	A259	01	92,0	76,26	72,0	04
2	M1.B	A210	01	92,0	76,26	72,0	04
3	M2.A	A211, A213, A215, A217, A219, A221, A223, A225, A227, A229, A231, A233, A236, A238, A240, A242, A244, A246, A248, A250, A252, A254, A256, A258	24	100,0	80,0	80,0	04
4	M2.B	A212, A214, A216, A218, A220, A222, A224, A226, A228, A230, A232, A237, A239, A241, A243, A245, A247, A249, A251, A253, A255, A257	22	100,0	80,0	80,0	04
5	M3.A	A235	01	97,5	79,5	77,5	04
6	M3.B	A234	01	97,5	79,5	77,5	04
7	M4	L405	01	90,72	86,1	78,12	04
8	M5.A	L406, L408, L410, L474, L476, L478	6	81,0	86,1	78,12	04
9	M5.B	L407, L409, L475	3	81,0	86,1	78,12	04
10	M6.A	L411, L413, L415, L417, L419, L421, L423, L425, L427, L429, L431, L433,	46	90,0	86,1	77,5	04

STT	Tên mẫu	Lô đất áp dụng	Số lượng	Diện tích lô đất (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m2)	Số tầng
		L435, L437, L439, L445, L447, L449, L451, L453, L455, L457, L459, L461, L463, L465, L467, L469, L471, L473, L481, L483, L485, L487, L489, L491, L493, L495, L497, L499, L501, L503, L505, L507, L509, L511					
11	M6.B	L412, L414, L416, L418, L420, L422, L424, L426, L428, L430, L432, L434, L436, L438, L446, L448, L450, L452, L454, L456, L458, L460, L462, L464, L466, L468, L470, L472, L482, L484, L486, L488, L490, L492, L494, L496, L498, L500, L502, L504, L506, L508, L510	43	90,0	86,1	77,5	04
12	M7.A	L440, L444	02	99,0	86,1	85,25	04
13	M7.B	L443	01	99,0	86,1	85,25	04
14	M8	L442	01	107,28	86,1	92,38	04
15	M9	L441	01	95,5	100,0	95,5	04
16	M10.A	L480	01	90,0	86,1	77,5	04
17	M10.B	L561	01	100,0	87,5	87,5	04
18	M11	L512	01	209,35	54,3	113,8	04
19	M12.A	L530, L532, L534, L536, L538, L540, L542, L544, L546,	16	100,0	87,5	87,5	04

STT	Tên mẫu	Lô đất áp dụng	Số lượng	Diện tích lô đất (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m2)	Số tầng
		L548, L550, L552, L554, L556, L558, L560					
20	M12.B	L529, L531, L533, L535, L537, L539, L541, L543, L545, L547, L549, L551, L553, L555, L557, L559	16	100,0	87,5	87,5	04
21	M13	L520	01	102,0	87,74	89,5	04
22	M14.A	L513, L515, L517, L519	04	102,0	87,74	89,5	04
23	M14.B	L514, L516, L518	03	102,0	87,74	89,5	04
24	M15	L521	01	97,5	87,17	85,0	04
25	M16A	L522, L524, L526, L528	04	97,5	87,17	85,0	04
26	M16.B	L523, L525, L527	03	97,5	87,17	85,0	04